

VẤN ĐỀ: 1 Quy luật Lượng - Chất (Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại)

- Khái niệm: lượng, chất, độ, điểm nút, bước nhảy
- Mối quan hệ biện chứng giữa Lượng và Chất
- Ý nghĩa phương pháp luận của quy luật. Cho ví dụ liên hệ thực tiễn bản thân.

Chất: Là những thuộc tính của chính thể làm cho nó là nó, làm cho nó khác với những cái khác.

- **Tính chất của chất:** là cái tương đối ổn định hơn lượng.

- **Lượng** là những tính quy định phản ánh sự đồng nhất, giống nhau của các chính thể. Lượng là cái chưa làm cho nó là nó, chưa làm cho nó khác với những cái khác.

- **Sự biểu thị về lượng:** Biểu hiện của lượng cụ thể : kích thước dài, ngắn, số lượng nhiều hay ít, quy mô lớn hay nhỏ, trình độ cao hay thấp, nhịp điệu nhanh hay chậm ...

Tính chất của lượng: là cái thường xuyên biến đổi hơn chất.

Độ: Là khoảng lượng thay đổi nhưng chất chỉ thay đổi cục bộ. Sự vật lúc này chưa biến thành cái khác.

Điểm nút: Là điểm diễn ra sự thay đổi toàn phần của chất.

Bước nhảy: Là sự thay đổi toàn phần của chất, chất mới ra đời. Sự vật mới ra đời.

Sự thay đổi dần dần về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại.

Mỗi chính (sự vật) thể hiện là sự thống nhất giữa chất và lượng, trong đó chất tương đối ổn định, còn lượng thì thường xuyên biến đổi. Lượng biến đổi đến một mức độ nhất định và trong những điều kiện nhất định, thì chính thể (sự vật) thực hiện bước nhảy, chất sẽ thay đổi. Khi đó chính thể chuyển hóa, một bước phát triển được thực hiện.

Sự thay đổi về chất dẫn đến thay đổi về lượng

Chính thể (sự vật) mới ra đời có chất mới, lượng mới. Lượng vẫn tự nó thường xuyên biến đổi nhưng sự biến đổi của lượng này khác sự biến đổi của lượng cũ cả về quy mô, tính chất, chiều hướng v.v... Điều này do chất mới quy định.

Quy luật này chỉ ra cách thức của sự phát triển .

1. Ý nghĩa phương pháp luận của quy luật:

- Chống tư tưởng nôn nóng, đốt cháy giai đoạn (lượng chưa đủ nhưng ép có sự thay đổi về chất).

- Chống tư tưởng trông chờ, ỷ lại (không chủ động thực hiện các bước nhảy khi có thời cơ, đủ điều kiện).

VẤN ĐỀ: 2 Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

- Khái niệm mối liên hệ
- Tính chất của mối liên hệ
- Ý nghĩa phương pháp luận
- Liên hệ thực tiễn và bản thân

Khái niệm: Mối liên hệ là sự tác động tương hỗ, ràng buộc lẫn nhau giữa các yếu tố, các mặt, các bộ phận bên trong của một sự vật, của một hiện tượng hay của các sự vật, các hiện tượng trong thế giới.

Tính chất của mối liên hệ phổ biến:

- Tính khách quan:

Mối liên hệ phổ biến không phải là sự sáng tạo của con người mà nó là sự phản ánh của thế giới khách quan. Mối liên hệ quyết định sự tồn tại của sự vật và nó ở ngay bản thân của sự vật, tức là sự vật tồn tại không theo ý muốn chủ quan của con người mà nó bị quy định vốn có của nó (ngay ở bản thân nó).

- Tính phổ biến:

Bất kỳ sự vật hiện tượng nào cũng có mối liên hệ với các sự vật hiện tượng khác. Không có sự vật, hiện tượng nằm ngoài mối liên hệ. Mối liên hệ phổ biến có trong các lĩnh vực: tự nhiên- xã hội- tư duy.

- Tính đa dạng, phong phú:

+ Tính đa dạng (một sự vật có vô vàn mối liên hệ cơ bản – không cơ bản bên trong- bên ngoài; trực tiếp-gián tiếp v.v... Tuy nhiên khi xem xét các cặp quan hệ trên cần phải xác định cụ thể để biết vai trò của mỗi loại mối quan hệ trong từng cặp.

+ Phong phú: trong không gian, thời gian, điều kiện thì sự vật có mối liên hệ này là cơ bản, nhưng trong không gian, thời gian, điều kiện khác cũng là sự vật này thì mối liên hệ đó không còn là cơ bản nữa.

Ý nghĩa của nguyên lý:

Phải có quan điểm toàn diện để biết đâu là mối liên hệ bên trong- bên ngoài; mối liên hệ cơ bản-không cơ bản; mối liên hệ trực tiếp-gián tiếp v.v... từ đó giải quyết vấn đề cho đúng.

Phải có quan điểm lịch sử cụ thể tức là phải xem xét sự vật trong một không gian thời gian, điều kiện xác định từ đó giúp ta xác định chính xác các mối quan hệ. Bởi vì sự vật ở trong không gian thời gian, điều kiện này khác sự vật ở không gian thời gian, điều kiện khác=> dẫn đến mối quan hệ của chúng cũng khác.

Chống quan điểm chiếc trung, phiến diện: xem vai trò của mọi mối liên hệ là như nhau; xem xét qua loa một vài mối liên hệ rồi kết luận

Chống quan điểm nguy hiểm: không nên dựa vào mối liên hệ không cơ bản, không chủ yếu để kết luận vấn đề.

VẤN ĐỀ 3: Cấu trúc của phương thức sản xuất.

- Khái niệm PTSX.
- Sơ đồ cấu trúc PTSX.
- Giải thích sơ đồ.
- Các yếu tố cấu thành của PTSX
- Các khái niệm: PTSX; LLSX, người lao động, tư liệu SX, tư liệu lao động, công cụ lao động, phương tiện lao động; QHSX, QHSH TLSX, QH tổ chức quản lý SX, QH phân phối sản phẩm trong SX.
- Liên hệ kiến thức

Khái niệm phương thức sản xuất Là cách thức sản xuất ra của cải vật chất của con người trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định.

(PTSX):

Lực lượng sản xuất Là tổng hợp những sức mạnh của con người tác động vào giới tự nhiên trong quá trình sản xuất vật chất (mối quan hệ con người-với tự nhiên trong sản xuất).

(LLSX):

Người lao động: Là con người tham gia vào quá trình sản xuất vật chất.

Tư liệu sản xuất:

Là phần của giới tự nhiên tham gia vào quá trình sản xuất vật chất

Tư liệu lao động: Là phần của giới tự nhiên tham gia vào quá trình sản xuất vật chất gồm: công cụ lao động và phương tiện lao động.

Công cụ lao Là những vật đóng vai trò trung gian để truyền tải sức của người

động (Cclđ) là vào những vật chất khác trong quá trình sản xuất vật chất.

Đối tượng lao động Là những vật nhận sự tác động của Cclđ trong quá trình sản xuất vật chất.

Phương tiện lao động: Là những vật hỗ trợ con người vận chuyển, bảo quản trong quá trình sản xuất vật chất.

Trong Llsx thì người là giữ vai trò quyết định, còn Cclđ giữ vai trò cực kỳ quan trọng bởi người là chủ thể quyết định trong sản xuất, còn cclđ biểu hiện khả năng chinh phục tự nhiên của con người (trình độ sản xuất) .

Quan hệ sản xuất: Là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất vật chất.

Quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất tức là trong trong xã hội TLSX thuộc về ai .

Quan hệ trong tổ chức và quản lý sản xuất tức là trong xã hội ai được tổ chức, quản lý, ai bị tổ chức, quản lý trong sản xuất.

Quan hệ phân phối sản phẩm trong sản xuất nó nói lên ai được chia của cải vật chất cho những thành viên của xã hội.

Trong ba loại quan hệ trên, quan hệ sở hữu TLSX giữ vai trò quyết định đối với hai quan hệ còn lại. Vì người nào nắm TLSX thì người đó có quyền quản lý, phân công lao động và phân phối sản phẩm trong sản xuất.

.....

VẤN ĐỀ: 1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa
--

- Định nghĩa hóa

- Vai trò của văn hóa

- Chức năng của văn hóa
- Cơ sở để xây dựng nền văn hóa mới

Hồ Chí Minh định nghĩa văn hoá: "*Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn*"

Hồ Chí Minh xác định rất rõ vai trò của văn hóa: xem văn hoá vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp cách mạng. Vai trò của văn hoá chủ yếu được thể hiện qua các chức năng của nó . Chức năng của văn hóa mới rất phong phú, đa dạng.

Hồ Chí Minh chỉ ra ba chức năng chủ yếu của nền văn hóa mới.

Bồi dưỡng dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp: Bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn trước hết là lý tưởng cách mạng cao cả độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Tình cảm cao đẹp là yêu nước, thương dân, thương nhân loại bị đau khổ, áp bức.

Nâng cao dân trí: Dần dần, từng bước một, từ thấp đến cao: Chống giặc dốt, làm cho mọi người dân biết đọc, biết viết, học tập chuyên môn nghiệp vụ, khoa học - kỹ thuật, hiểu biết thực tiễn Việt Nam và thế giới, hình thành đội ngũ trí thức cách mạng tiêu biểu cho dân tộc.

Bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, những phong cách, lối sống lành mạnh, luôn hướng con người vươn tới cái chân, cái thiện, cái mỹ, không ngừng hoàn thiện bản thân mình. Văn hoá góp phần hình thành các phẩm chất chính trị, đạo đức, phẩm chất chuyên môn, nghiệp vụ; giúp con người phân biệt thật-giả, đúng -sai, thiện- ác, từ đó hướng con người vươn tới các giá trị chân - thiện - mỹ.

VẤN ĐỀ 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng

- Các chuẩn mực đạo đức cách mạng cơ bản
- Những nguyên tắc cơ bản để rèn luyện đạo đức cách mạng
- Liên hệ bản thân qua việc học tập, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

- Vị trí, vai trò của đạo đức

- Hồ Chí Minh cho rằng đạo đức là gốc, là nền tảng của con người, của xã hội giống như gốc của cây, nguồn của sông suối.
- Đạo đức là vũ khí sắc bén trong cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.
- Đạo đức giúp cho con người giữ được nhân cách, bản lĩnh của mình trong mọi hoàn cảnh.
- Đạo đức là tiêu chuẩn đánh giá sự cao quý của con người. Đạo đức cùng với tài năng hình thành bản chất con người.

- Trung với nước, hiếu với dân là:

Trung với nước, hiếu với dân là phẩm chất đạo đức nền tảng.

- + Trung với nước là yêu nước gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội; trung thành với lợi ích dân tộc, có trách nhiệm xây dựng, bảo vệ, phát triển đất nước.
- + Hiếu với dân là phải thương dân, tin dân, lấy dân làm gốc; quan tâm, chăm lo mọi mặt đời sống nhân dân; đấu tranh để giải phóng nhân dân, để nhân dân trở thành người chủ và làm chủ đất nước.

- Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là chuẩn mực cốt lõi của đạo đức, điều chỉnh hành vi ứng xử hằng ngày của con người.

- + *Cần* là cần cù, siêng năng, chăm chỉ, dẻo dai; biết sắp xếp, phân công lao động hợp lý; lao động với năng suất cao, chất lượng tốt, hiệu quả cao.
- + *Kiệm* là tiết kiệm, không lãng phí, không xa xỉ; tiết kiệm của mình và tiết kiệm của công; mình tiết kiệm và làm cho người khác tiết kiệm; tiết kiệm toàn diện từ tài nguyên, vật liệu, tiền tài của cải, thời gian đến sức lao động.
- + *Liêm* là liêm khiết, trong sạch, không tham lam địa vị, tiền của, danh tiếng.
- + *Chính* là không tà, thẳng thắn, đứng đắn, trung thực, thật thà.
- + *Chí công vô tư* là đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết; có thể hy sinh lợi ích riêng vì lợi ích chung.

+ Cần, kiệm, liêm, chính có quan hệ chặt chẽ với nhau và là những đức tính cần thiết của mỗi con người; là thước đo bản chất con người.

- Yêu thương con người

+ Nhất là người lao động nghèo khổ, bị bóc lột, áp bức là phẩm chất quan trọng của con người.

+ Yêu thương con người là phải quan tâm, chăm sóc mọi mặt đời sống con người, tạo điều kiện cho con người phát huy hết tài năng, sáng tạo của mình; hành động để bảo vệ và giải phóng con người.

- Có tinh thần quốc tế trong sáng

Tôn trọng, thương yêu, giúp đỡ, ủng hộ tất cả các dân tộc chống áp bức, bất công, chống sự thù hận, phân biệt chủng tộc; xây dựng khối đại đoàn kết quốc tế.

<u>VẤN ĐỀ: 3 Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân</u>
--

- | |
|--|
| <ul style="list-style-type: none">- Nhà nước của dân- Nhà nước do dân- Nhà nước vì dân |
|--|

- Nhà nước của dân: (Nhà nước trong đó dân là chủ)

+ Dân là người có địa vị cao nhất, có quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước. Nước ta là nước dân chủ; bao nhiêu quyền hạn là của dân; quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân Trong Nhà nước ta, dân là chủ thể của quyền lực thì người cầm quyền, cán bộ công chức nhà nước chỉ là người được ủy quyền, được nhân dân trao quyền để gánh vác giải quyết những công việc chung của đất nước .

+ Cán bộ, công chức nhà nước là ‘đầy tớ’, ‘công bộc’ của dân, phải gần dân, sát dân, hiểu dân, thương dân, tin dân và biết sử dụng sức mạnh của dân.

- Nhà nước do dân dân: (dân làm chủ Nhà nước):

+ Quyền làm chủ nhà nước của nhân dân rất rộng, trước hết là chỗ: Nhân dân là người tổ chức nên các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương.

+ Nhân dân có quyền bầu cử, ứng cử thì cũng có quyền thực hiện chế độ bãi miễn theo ba mức độ khác nhau từ thấp đến cao; bãi miễn đại biểu; bãi miễn các cơ quan nhà nước; bãi

miễn nội các Chính phủ nếu các đại biểu, các cơ quan và nội các Chính phủ không còn phù hợp với nhân dân, đi ngược lại lợi ích của nhân dân.

+ Nhân dân có quyền kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước do mình cử ra...

+ Nhà nước do dân, nghĩa là dân có trách nhiệm, nghĩa vụ đóng góp trí tuệ, sức người, sức của tổ chức, xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

+ Nhà nước do dân còn bao hàm việc nhân dân có quyền tham gia vào công việc quản lý nhà nước, phê bình, kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, các đại biểu do mình cử ra.

- Nhà nước vì dân:

+ Là nhà nước phục vụ nhân dân, đem lại lợi ích cho nhân dân. Điều này được Người giải thích rõ trên các phương diện: Nhà nước phục vụ nhân dân, nghĩa là Nhà nước đó được tổ chức và hoạt động theo một mục tiêu duy nhất: không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân đúng với phương châm. "Việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại đến dân phải hết sức tránh".

+ Nhà nước biết chăm lo mọi mặt đời sống của nhân, trước hết là thỏa mãn các nhu cầu thiết yếu nhất: làm cho dân có ăn; làm cho dân có mặc; làm cho dân có điều kiện khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe.

+ Nhà nước chăm lo cho dân không phải làm thay dân mà là hướng dẫn dân tự chăm lo đời sống của chính mình.

+ Nhà nước phải biết kết hợp, điều chỉnh các loại lợi ích khác nhau giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội, các bộ phận dân cư để luôn được mọi người dân ủng hộ, xây dựng.

+ Đồng thời với hướng dẫn dân, Nhà nước phải còn biết kết hợp giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài, lợi ích của Trung ương và lợi ích của địa phương, lợi ích của các ban, ngành, các chủ thể xã hội làm sao để bất kỳ ai cũng thấy được Nhà nước là người đại diện cho lợi ích chân chính, hợp pháp của họ.

+ Nhà nước phải thực sự liêm khiết, trong sạch, tránh quan liêu, tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi, phải biết loại hết tất cả ‘ các ông quan cách mạng’ ra khỏi bộ máy nhà nước.

.....

VẤN ĐỀ 1: Ý nghĩa sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời vào năm 1930 là tất yếu lịch sử; là kết quả của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam; chấm dứt thời kỳ bế tắc, khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng. Nó chứng tỏ rằng giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng. Đây là sự chuẩn bị đầu tiên, quyết định sự phát triển của dân tộc Việt Nam về sau.

Với Cương lĩnh chính trị đúng đắn và hệ thống tổ chức chặt chẽ, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa ra đời đã nắm được vai trò lãnh đạo duy nhất đối với phong trào cách mạng, là trung tâm đoàn kết giai cấp, đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã đưa cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc, người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

VẤN ĐỀ:2 Quan điểm phát triển của Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội (2011-2020) trong nội dung đường lối Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (1-2011).

Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược.

Đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển.

Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học, công nghệ ngày càng cao

đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kiên trì xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng

VẤN ĐỀ 3: Tám phương hướng cơ bản xây dựng đất nước trong nội dung đường lối Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (1-2011).

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

